

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 7 - 2020.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hà;

2. Ông Quách Xuân Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị P - sinh năm 1996;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn T, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1995;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn BL, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt chị P, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2020 và bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ vào năm 2015, trên cơ sở có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm ngày 04/9/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng gần 1 năm đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do

vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác, do anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bản thân chị đã nhiều lần khuyên giải và tha thứ, để vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng anh Đ vẫn không thay đổi mà còn nhiều lần chửi bới, lăng mạ chị và gia đình chị. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên từ năm 2017 chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho tới nay. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình, các đoàn thể chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Đến nay, chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, khả năng đoàn tụ không còn. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Vợ chồng không có.
- Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng đều không có, hiện nay chị không mang thai.
- Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Về công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh kết hôn với chị Lê Thị P vào năm 2015, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm ngày 04/9/2015. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm; dẫn đến vợ chồng có một vài lần xảy ra va chạm, cãi vã và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; cuộc sống chung không có hạnh phúc, từ khoảng giữa năm 2017 cho đến nay anh chị đã sống ly thân, không có liên lạc gì và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Đến nay, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng không có.
- Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng đều không có.
- Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Về công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Đ đã có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa; anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm về việc giải quyết vụ

án như đã trình bày tại bản tự khai, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được đối với vụ án trên.

* *Xác minh tại chính quyền địa phương xác định:* chị Lê Thị P và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau năm 2015, trên cơ sở tự nguyện. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm ngày 04/9/2015. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, sau đó chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2017 cho đến nay. Tháng 4/2020, chính quyền địa phương đã nhận được đơn xin ly hôn của chị P xin ly hôn với anh Đ, chính quyền địa phương đã tiến hành hòa giải cho các bên để vợ chồng về đoàn tụ. Tại buổi hòa giải chị P có trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Đ có quan hệ yêu đương với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Đ không nghe còn nhiều lần chửi bới, xúc phạm chị, nên chị P đã về nhà bố mẹ sinh sống từ năm 2017, anh chị cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Về phía anh Đ, chính quyền địa phương đã báo anh Đ đến tham gia các buổi hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do, do vậy việc hòa giải không có kết quả. Đến nay chị P tiếp tục có đơn xin ly hôn với anh Đ tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Lê Thị P giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung và các vấn đề khác: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị P và anh Nguyễn Văn Đ. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Lê Thị P phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị P có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ hiện đang có HKTT và cư trú tại xã TN, huyện TL,

tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định phiên tòa vẫn được tiến hành xét xử theo thủ tục chung mặc dù có sự vắng mặt của bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị P và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04/9/2015 tại UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau; khiến cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc; đến năm 2017 chị P đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không có liên lạc gì và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử xử cho ly hôn giữa chị P và anh Đ là phù hợp với pháp luật và thực tế.

[3] Về con chung: Anh, chị không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Lê Thị P và anh Nguyễn Văn Đ không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị P và anh Nguyễn Văn Đ.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị P phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai số 0004937 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cảnh